

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Mua môi trường nuôi cấy phân lập vi sinh

Hiện nay, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội đang có nhu cầu mua môi trường nuôi cấy phân lập vi sinh (*chi tiết số lượng, yêu cầu thông số kỹ thuật theo phụ lục đính kèm thư mời báo giá này*).

Để có căn cứ xây dựng dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu của gói thầu nêu trên, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội kính mời Quý Cơ quan/Đơn vị có khả năng cung cấp môi trường nuôi cấy phân lập vi sinh nêu trên gửi Bảng báo giá với thông số kỹ thuật của hàng hóa tối thiểu như báo giá, có thể tương đương hoặc cao hơn về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội theo thông tin như sau:

Đơn vị nhận báo giá: Khoa Dược – Vật tư y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội, số 70 Nguyễn Chí Thanh, P.Láng Thượng, Q.Đống Đa, Tp.Hà Nội;

SĐT: 0243.734.9816 hoặc Dược sĩ Điện: 039.525.4496;

Hồ sơ báo giá bản mềm xin gửi về địa chỉ email: khoaduocvtyt.cdc@gmail.com;

Thời gian nhận báo giá trước 17h00 ngày 22/ 9 /2024;

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Công ty/ Đơn vị.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Khoa TTGDSK (để đăng tải);
- Lưu: DVTYT (Điện).



Bùi Văn Hào

Phụ lục:
DANH MỤC MÔI TRƯỜNG NUÔI CÂY PHÂN LẬP VI SINH
 (Kèm theo Thư mời báo giá ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội)

STT	Tên hàng hóa	Mô tả	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách	Nguồn gốc, xuất xứ
1	Alkaline peptone water for microbiology	Nước Peptone kiềm dùng để tăng sinh và phân lập các loài Vibrio cholerae và Vibrio sp. Sự phát triển mạnh của Vibrio sp. được thúc đẩy bởi pepton, nồng độ natri clorua 10 g/lít và độ pH cao 8,5. Thành phần (g/L): Peptone 10.0g/L; NaCl 10.0g/L; pH (25 °C): 8.3 - 8.7	1	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
2	RapID™ Inoculation Fluid	Ống pha loãng dung dịch, dùng chung với hệ thống RapID One System	3	Hộp	Hộp 20 ống x 2mL	Châu Âu
3	RapID™ ONE System	Hệ thống RapID ONE sử dụng những cơ chất tạo màu truyền thống để định danh các vi khuẩn thuộc họ Enterobacteriaceae quan trọng trong y tế và nhóm vi khuẩn hình que Gram (-), oxidase (-) được phân lập từ các mẫu bệnh lâm sàng. Thành phần (g/L) bộ kit: 20 Thanh định danh (RapID ONE Panel), 20 phiếu ghi kết quả, thuốc thử (đủ cho 20 Panel), 2 khay ủ, tài liệu hướng dẫn sử dụng	3	Hộp	20 kit/ hộp	Châu Âu
4	API 20E	Bộ Test định danh Sinh Hóa Vi khuẩn đường ruột Gram Âm	1	Bộ	01 bộ/ hộp	Châu Âu
5	Bộ thuốc thử dành cho API 20E	Bộ thuốc thử dành cho API 20E	1	Bộ	01 bộ/ hộp	Châu Âu
6	Kit định danh API 20NE	Bộ Test định danh Sinh Hóa Vi khuẩn không phải đường ruột Gram Âm	1	Bộ	01 bộ/ hộp	Châu Âu
7	BACILLUS CEREUS Agar Base (MOSSEL, MYP)	BACILLUS CEREUS Agar Base (MOSSEL, MYP) môi trường chọn Lọc để phân lập và định lượng Bacillus cereus trong thực phẩm, theo khuyến cáo của ISO 7932 và FDA BAM. Thành phần (g/L): Enzymatic Digest of casein 10.0, Meat Extract 1.0, D-Mannitol 10.0, Sodium Chloride 10.0, Phenol red 0.025, Agar 14.0, pH = 7.2 ± 0.2.	2	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
8	BACILLUS cereus supplement (Polymyxin B)	BACILLUS cereus supplement (Polymyxin B) là một chất bổ sung cho môi trường MYP để phân lập Bacillus cereus từ thực phẩm. Hàm lượng/1 lít môi trường: 100.000IU Polymyxin B.	2	Hộp	Hộp 10 lọ đông khô (hoàn nguyên 5mL)	Châu Âu
9	EGG YOLK emulsion	EGG YOLK emulsion là một chất bổ sung bao gồm nhũ tương của	4	Hộp	10 lọ x 50mL/	Châu Âu

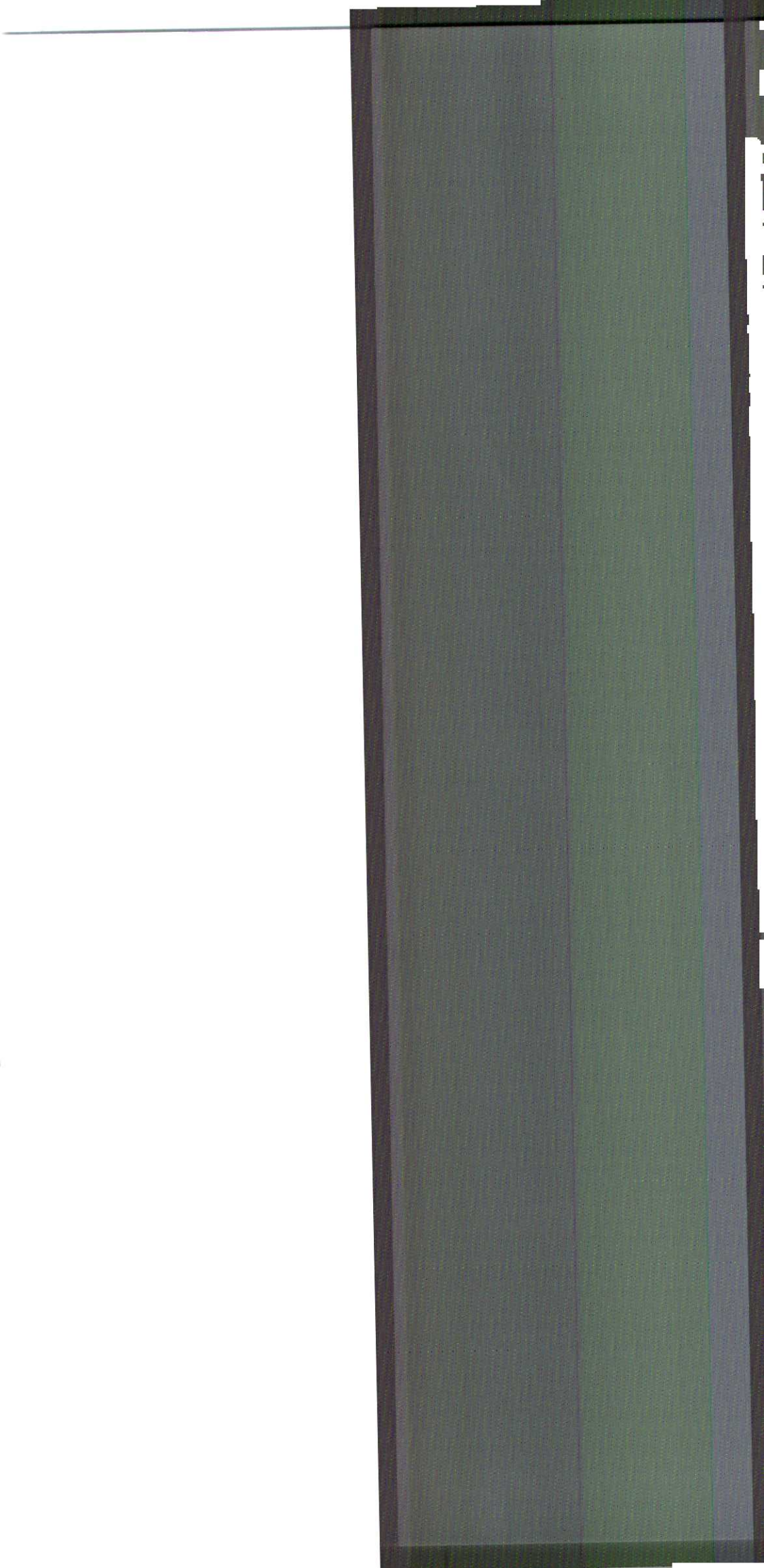
		lòng đỏ trứng để sử dụng cho vi sinh. Hàm lượng/chai: Egg yolk: 50%; Dung dịch sinh lý vô trùng: 50%.			hộp	
10	Baird Parker Agar Base	Baird Parker Agar được sử dụng để nuôi cấy <i>Staphylococcus aureus</i> từ thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 6888 Thành phần (g/L): Pancreatic Digest of Casein 10.0, Meat Extract 5.0, Yeast Extract 1.0, Sodium Pyruvate 10.0, L-Glycine 12.0, Lithium Chloride 5.0, Agar 17.0	3	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
11	Egg yolk tellurite emulsion	EGG YOLK emulsion là một chất bổ sung bao gồm nhũ tương của lòng đỏ trứng có bao gồm potassium tellurite for dùng cho môi trường Baird Barker Agar Base Thành phần (g/L): Sterile egg-yolk 200 ml; NaCl 4.25 g; potassium tellurite 2.1 g;	3	Hộp	10 lọ x 50 mL/ hộp	Châu Âu
12	Bile Aesculin Azide Agar (BEA - Thạch mật)	Bile Aesculin Agar (BEA) là môi trường nuôi cấy chuyên biệt để phân biệt Enterococcus (hoặc Streptococcus nhóm D) với các Streptococcus không thuộc nhóm D, xác định các nhóm vi khuẩn Enterococcus (hoặc Streptococcus nhóm D) giả định. Thành phần (g/L): Tryptone 17.0, Peptone 3.0, Yeast Extract 5.0, Ox-bile 10.0, Sodium Chloride 5.0, Aesculin 1.0, Ferric Ammonium Citrate 0.5, Sodium Azide 0.15, Agar 15.0	5	Lọ	Lọ 100g	Châu Âu
13	Bile SALT	Muối mật được chiết xuất tinh khiết từ mật bò, được sử dụng trong nuôi cấy vi sinh.	3	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
14	Blood Agar base (thạch máu)	Môi trường thạch máu cơ bản (chưa bổ sung máu) dùng trong nuôi cấy vi sinh Thành phần (g/L): Tryptose 10.0, Meat Extract 10.0, Sodium Chloride 5.0, Agar 15.0	2	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
15	Brilliant green (hydrogen sulfite)	Chỉ thị màu dùng trong các môi trường nuôi cấy vi sinh vật.	2	Lọ	Lọ 50g	Châu Âu
16	Agar-agar	Agar-agar dùng trong pha chế môi trường nuôi cấy vi sinh vật, dạng tinh khiết và không chứa chất ức chế vi sinh vật.	1	Lọ	Lọ 1000g	Châu Âu
17	Bromothymol blue	Chất chỉ thị màu trong nuôi cấy vi sinh vật. Khoảng thay đổi màu: pH 5.8 - pH 7.6 vàng - xanh lam;	1	Lọ	Lọ 25g	Châu Âu
18	Buffered Peptone Water	Buffered Peptone Water (BPW) là môi trường lỏng được ISO 6579 khuyến nghị để tăng khả năng phục hồi vi khuẩn <i>Salmonella</i> spp. từ thực phẩm và các mẫu liên quan trước khi làm giàu và phân lập chọn	6	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu

		lọc. Thành phần (g/L): Enzymatic Digest of Casein 10.0, Sodium Chloride 5.0, Disodium Hydrogen Phosphate 3.5*, Potassium Dihydrogen Phosphate 1.5, pH 7.0 ± 0.2 ở 25°C, * tương đương với 9g disodium hydrogen phosphate dodecahydrate.				
19	Cary Blair Transport Medium	Môi trường vận chuyển mẫu bệnh phẩm vi sinh vật Thành phần (g/L): Sodium Thioglycollate 1.5, Disodium Phosphate 1.1, Calcium Chloride 0.09, Sodium Chloride 5.0, Agar 5.0	1	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
20	Casein hydrolysate	Môi trường thủy phân Casein là môi trường nuôi cấy có mục đích chung được sử dụng để nuôi cấy các loại vi khuẩn khác nhau. Nó chứa casein thủy phân là nguồn cung cấp axit amin, nhiều loại khoáng chất cần thiết cho sự tăng trưởng và natri hoặc kali photphat làm chất đệm. Dùng cho vi sinh,	3	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
21	TBX agar	Để đếm, phát hiện và xác định Escherichia dương tính với β-glucuronidase coli từ thực phẩm và thức ăn chăn nuôi cũng như từ các mẫu môi trường trong khu vực thực phẩm sản xuất. Dùng cho vi sinh; Thành phần (g/L): Enzymatic Digest of Casein 20.0, Bile Salts No. 3 1.5, X-Glucuronide 0.075, Agar 15.0	3	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
22	Chromocult® Coliform Agar	Dùng trong nuôi cấy chọn lọc để phát hiện vi khuẩn Coliforms và E. coli trong các mẫu nước theo TCVN 6187-1:2019 (ISO ISO 9308-1:2014); Thành phần (g/L): Enzymatic Digest of Casein 1.0, Yeast Extract 2.0, Sodium Chloride 5.0, Sodium Dihydrogen Phosphate 2.2, Di-sodium Hydrogen Phosphate 2.7, Sodium Pyruvate 1.0, Sorbitol 1.0, Tryptophan 1.0, Tergitol® 7 0.15, Salmon®-GAL 0.2, X-Glucuronide 0.1, IPTG 0.1, Agar 15.0	3	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
23	EC (Escherichia coli) broth	Canh thang EC (Escherichia coli Broth) là canh thang tăng sinh chọn lọc được thiết kế để phân lập coliforms, bao gồm cả E. coli, từ các mẫu nước và thực phẩm. Thành phần (g/L) dung dịch sau pha: Dịch thủy phân casein bằng enzym: 20 g/l, Lactose 5 g/l, Hỗn hợp muối mật: 1.5 g/l, K ₂ HPO ₄ : 4 g/, KH ₂ PO ₄ : 1.5 g/l, NaCl: 5 g/l, pH (25 °C) 6.9 ± 0.2	1	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
24	ENDO agar	Môi trường nuôi cấy chọn lọc để phát hiện và phân lập vi khuẩn E. coli và coliform trong các vật liệu khác nhau theo ENDO (1904);	1	Hộp	Lọ 500g	Châu Âu

		Thành phần (g/L): Peptones: 10.0g, K ₂ HPO ₄ : 2.5g, Lactose: 10.0g; Na ₂ S 3.3g; Pararosanilin (fuchsin) 0.3g; Thạch agar 12.5g				
25	Fluid Thioglycollate Medium	Fluid Thioglycollate Medium là môi trường làm giàu chất lỏng đa năng được sử dụng để kiểm soát độ vô trùng của dược phẩm và nuôi cấy và phân lập các vi sinh vật kỵ khí và kỵ khí khó tính. Thành phần (g/L): Enzymatic Digest of Casein 15.0, Yeast Extract 5.0, Glucose 5.5, Sodium Chloride 2.5, Sodium Thioglycollate 0.5, L-Cystine 0.5, Resazurin 0.001, Agar 0.75, pH 7.1 ± 0.2 ở 25°C .	1	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
26	Gói tạo môi trường nuôi cấy kỵ khí	Gói tạo môi trường nuôi cấy kỵ khí dùng cho bình kỵ khí 2,5L.	200	Gói	20 gói/ hộp hoặc 05 gói/ hộp	Châu Âu
27	Test chỉ thị môi trường kỵ khí	Giấy chỉ thị sẽ đổi màu từ hồng thành trắng trong điều kiện kỵ khí. Hộp chứa các test đóng gói riêng.	200	Gói	100 gói/ hộp hoặc 50 gói/ hộp	Châu Âu
28	Glucose Salt Teepol Broth	Glucose Salt Teepol Broth là môi trường lỏng để phát hiện Vibrio parahemolyticus trong thực phẩm. Thành phần (g/L): Peptone 10.0, Meat Extract 3.0, Glucose 5.0, Sodium Chloride 30.0, Methyl Violet 0.002, pH 7.5 ± 0.2 ở 25°C	1	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
29	Hektoen enteric agar	Hektoen enteric agar được sử dụng như môi trường cấy trực tiếp hoặc gián tiếp để khôi phục các tác nhân gây bệnh đường tiêu hóa, như Salmonella và Shigella, từ thực phẩm, nước, và mẫu phân nghi ngờ có nhiễm sinh vật này. Thành phần (g/L): Enzymatic Digest of Meat 12.0, Yeast Extract 3.0, Lactose 12.0, Saccharose 12.0, Salicin 2.0, Bile Salts No. 3 9.0, Sodium Chloride 5.0, Sodium Thiosulfate 5.0, Ammonium Ferric, Citrate 1.5, Acid Fuchsin 0.1, Bromthymol Blue 0.065, Agar 15.0	2	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
30	KOVAC'S - REAGENT	Thuốc thử sử dụng cho phép thử indole để xác định Enterobacteriaceae. Đóng gói: 4 chai x 25ml.	20	Lọ 25mL	4 lọ 25mL/ hộp	Châu Âu
31	Lactose	Lactose monohydrate (milk sugar) dùng trong nuôi cấy vi sinh vật.	5	Lọ	Lọ 1000g	Châu Âu
32	Lactose Sulfite Broth	Lactose Sulfite Broth là môi trường được sử dụng để xác nhận Clostridium perfringens trong thực phẩm và dược phẩm. Thành phần (g/L): Enzymatic Digest of Casein 5.0, Yeast Extract 2.5, Sodium Chloride 2.5, Lactose 10.0, L-Cysteine Hydrochloride 0.3, Disodium Disulfite, Anhydrous 0.75, Ammonium Iron(III) Citrate	1	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu

		0.625, pH 7.1 ± 0.2 ở 25°C				
33	D(-)Mannitol	Đường D(-)MANNITOL FOR MICROBIOLOGY Sử dụng để xác định tính chất sinh hóa của vi sinh vật	1	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
34	Sucrose (saccharose)	Đường Sucrose (saccharose) for biochemical Sử dụng để xác định tính chất sinh hóa của vi sinh vật	1	Lọ	Lọ 250g	Châu Âu
35	Urea	Urea for biochemistry. Sử dụng để xác định tính chất sinh hóa của vi sinh vật	1	Lọ	Lọ 250g	Châu Âu
36	L-Rhamnose monohydrate	L (+) RHAMNOSE MONOHYDRATE 99% For Biochemistry Sử dụng để xác định tính chất sinh hóa của vi sinh vật	2	Lọ	Lọ 25g	Châu Âu
37	D-Xylose	D-(+)-Xylose Sử dụng để xác định tính chất sinh hóa của vi sinh vật	1	Lọ	Lọ 100g	Châu Âu
38	Sterikon® plus Bioindicator for checks on autoclaving	Ống chỉ thị sinh học kiểm tra nồi hấp tiệt trùng; chứa geobacillus stearo- thermophilus ATCC 7953	30	Ống	2ml/ ống	Châu Âu
39	L-Tryptophan	L-Tryptophan for biochemistry Sử dụng để xác định tính chất sinh hóa của vi sinh vật	5	Lọ	Lọ 100 g	Châu Âu
40	ARGININE DECARBOXYLASE Broth (ADH)	Arginine Decarboxylase Broth là môi trường dạng bột dùng trong phân biệt sinh hóa các trực khuẩn đường ruột Gram âm dựa trên việc sản xuất arginine decarboxylase. Thành phần (g/L): Peptone 5.0, Meat Extract 5.0, Pyridoxal 0.005, Dextrose 0.5, L-Arginine 10.0, Bromocresol Purple 0.010, Cresol Red 0.005, pH = 6.0 ± 0.2.	1	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
41	ORNITHINE DECARBOXYLASE Broth (ODC)	Ornithine Decarboxylase Broth là môi trường dạng bột dùng trong phân biệt sinh hóa các trực khuẩn đường ruột Gram âm dựa trên việc sản xuất ornithine decarboxylase. Thành phần (g/L): Peptone 5.0, Meat Extract 5.0, Pyridoxal 0.005, Dextrose 0.5, L-Ornithine 10.0, Bromocresol Purple 0.010, Cresol Red 0.005, pH = 6.0±0.2	1	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
42	Lysine DECARBOXYLASE Broth (LDC)	Lysine DECARBOXYLASE Broth được sử dụng để xác định vi sinh vật, đặc biệt là trực khuẩn đường ruột, dựa trên quá trình khử cacbon của lysine. Thành phần (g/L): Peptone 5.0, Yeast Extract 3.0, Dextrose 1.0, L- Lysine 5.0, Bromocresol Purple 0.02, pH 6.8 ± 0.2.	1	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
43	Kligler Iron Agar (KIA)	Kligler Iron Agar là môi trường dùng để định danh nhóm vi khuẩn	1	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu

		đường ruột Enterobacteria. Thành phần (g/L): Proteose Peptone 20.0, NaCl 5.0, Cao nấm men 3.0, Cao thịt 3.0, Ferrous Sulfate 0.2, Sodium Thiosulphate 0.3, Lactose 10.0, Glucose 1.0, Phenol đỏ 0.024, Agar 11.0, pH = 7.4 ± 0.2 ở 25 °C.				
44	Triple sugar iron agar (TSI)	Kligler Iron Agar là môi trường dùng để định danh nhóm vi khuẩn đường ruột Enterobacteria. Thành phần (g/L): Peptone từ casein 10.0g/L; peptone từ meat 10.0 g/L; Cao thịt: 3.0 g/L; Chiết xuất nấm men: 3.0 g/L; NaCl 5.0 g/L; lactose 10.0 g/L; sucrose 10.0 g/L; D(+)glucose 1.0 g/L; ammonium iron(III) citrate 0.5 g/L; sodium thiosulfate 0.5 g/L; phenol red 0.024 g/L; agar-agar 12.0 g/L	1	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
45	MacConkey Agar	Môi trường chọn Lọc và phân biệt để phát hiện Enterobacteriaceae từ mẫu lâm sàng và các mẫu khác, theo USP/EP/JP. Thành phần (g/L): Pancreatic Digest of Gelatin 17.0, Peptone from Meat 1.5, Peptone from Casein 1.5, Lactose 10.0, Sodium Chloride 5.0, Bile Salts 1.5, Agar 15.0*, Neutral Red 0.03, Crystal Violet 0.001, pH = 5.2 ± 0.1 ở 25°C.	1	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
46	Mannitol SALT Agar (CHAPMAN MEDIUM)	Mannitol Salt Agar là môi trường chọn Lọc sử dụng để phân lập staphylococci gây bệnh từ mẫu lâm sàng, thực phẩm và các mẫu vệ sinh quan trọng khác. Thành phần (g/L): Pancreatic Digest of Casein 5.0, Peptic Digest of Animal Tissue 5.0, Beef Extract 1.0, D-Mannitol 10.0, Sodium Chloride 75.0, Phenol Red 0.025, Agar 15.0, pH = 7.4 ± 0.2 ở 25°C.	1	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
47	Máu cừu đã khử sợi huyết	Máu cừu đã khử sợi huyết. Bảo quản: 2-8°C. Hạn sử dụng 2 tháng	15	Ống	Ống 10mL	Châu Âu
48	Maximum Recovery Diluent (Saline peptone water)	Maximum Recovery Diluent kết hợp tác dụng bảo vệ của peptone trong dung dịch pha loãng với sự hỗ trợ thẩm thấu của nước muối sinh lý 1,2. Nồng độ peptone thấp không gây ra sự nhân lên của sinh vật trong vòng 45 phút (tại 20-25°C) sau khi pha loãng mẫu. Độ bền đẳng trương của chất pha loãng đảm bảo thu hồi các sinh vật từ các nguồn khác nhau có thể dễ bị tổn thương trong nước cất hoặc huyền phù nước Thành phần (g/L): Peptone 1.0g/L; NaCl 8.5g/L.	1	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu



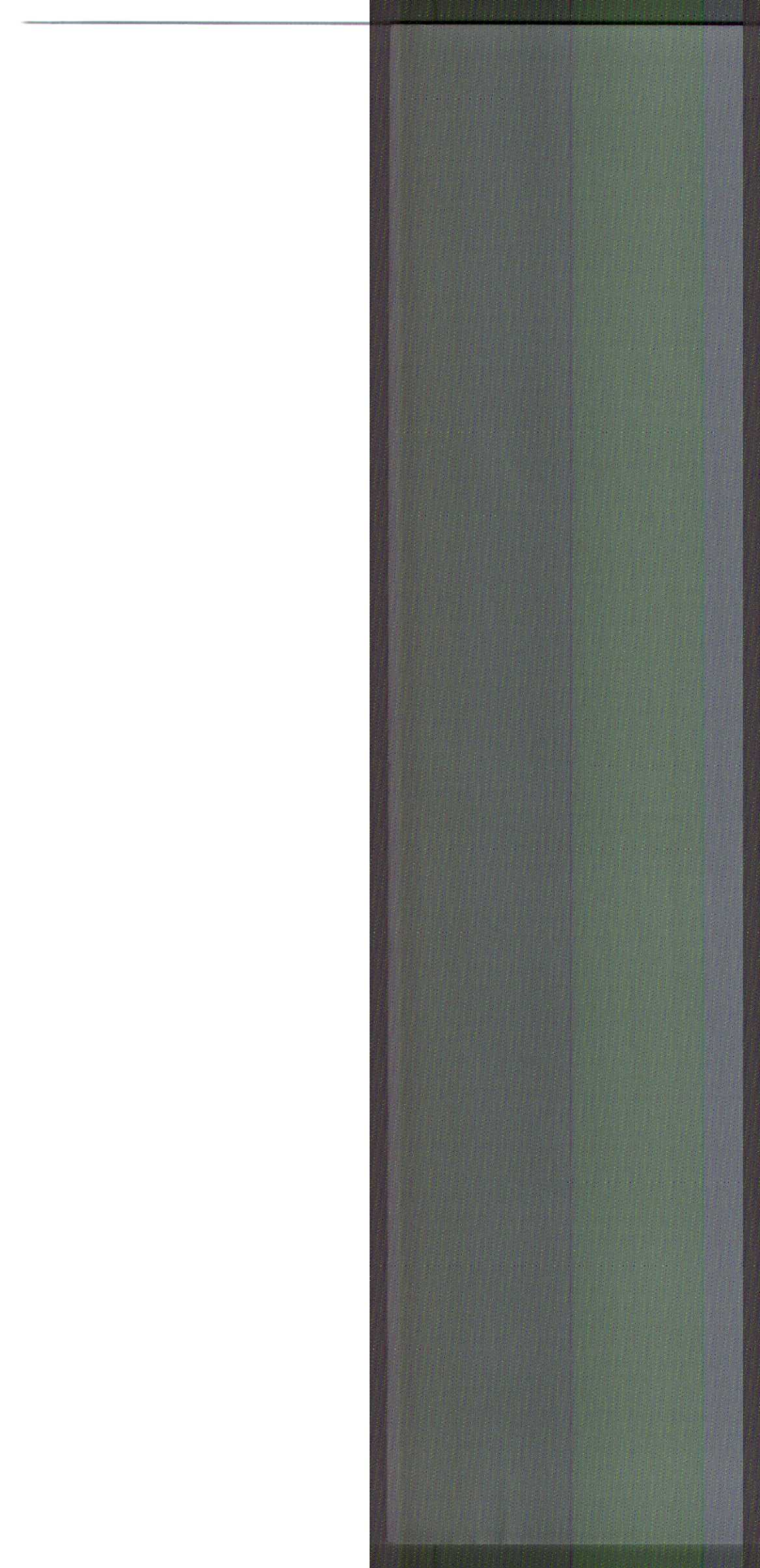
49	Meat extract	Chiết xuất thịt, sử dụng trong nhiều môi trường nuôi cấy vi sinh vật	5	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
50	Muller Kauffmann TETRATHIONATE Broth Base	Muller Kauffmann Tetrathionate Broth Base là môi trường cơ bản để phát hiện Salmonella spp từ thực phẩm và mẫu môi trường, theo ISO 6579. Thành phần (g/L): Enzymatic Digest of Casein 8.6, Meat Extract 4.3, Sodium Chloride 2.6, Calcium Carbonate 38.7 Sodium Thiosulfate anhydrous 30.5*, Ox Bile 4.78, Brilliant Green 0.096, pH 8.2 ± 0.2 ở 25°C *trương đương với 47.8 g sodium thiosulfate pentahydrate.	1	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
51	NOVOBIOCIN supplement (Novobiocin).	NOVOBIOCIN Supplement là một chất bổ sung chọn lọc để phát hiện các chủng Salmonella spp. Thành phần (g/L): 40.0 mg Novobiocine. 01 lọ dùng cho 1000mL môi trường	2	Hộp	10 lọ/ Hộp	Châu Âu
52	Nutrient agar	Thạch dinh dưỡng dùng trong nuôi cấy vi sinh vật Thành phần (g/L): Peptone 5.000, Sodium chloride 5.000, HM peptone B# 1.500, Yeast extract 1.500, Agar 15.000	2	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
53	O.A. LISTERIA AGAR	Môi trường dạng bột đã khử nước có chứa Lithium chloride, polymyxin B, nalidixic acid, and amphotericin dùng để phân biệt các loài Listeria species và Listeria monocytogenes từ các mẫu thực phẩm. Môi trường có chứa phản ứng sinh sắc tố và enzym phospholipase giúp dễ đọc để phân biệt loài. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 11290-1, ISO 11290-2,	1	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
54	O.A. LISTERIA Supplement	Chất bổ sung cho thạch O.A Listeria, bao gồm 2 loại: - O.A. LISTERIA Supplement - Selective supplement 01 lọ dùng cho 1000mL môi trường	2	Hộp	4 lọ 20mL dung dịch bổ sung + 4 lọ đông khô/ hộp	Châu Âu
55	Half Fraser Broth (Demi Fraser Broth)	DEMI FRASER BROTH là môi trường sử dụng để tăng sinh chọn lọc Listeria spp từ các mẫu thực phẩm và các mẫu nguyên liệu từ động vật. Thành phần (g/L): Tryptone 5.0, Peptone 5.0, Litium Chloride 3.0, Beef Extract 5.0, Yeast Extract 5.0, Sodium Chloride 20.0, Disodium Hydrogen Phosphate anhydrous 9.5, Potassium Dihydrogen Phosphate 1.35, Aesculin 1.0, Nalidixic Acid 0.01, Acriflavine 0.0125, pH 7.2 ± 0.2.	1	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
56	FRASER Broth	FRASER BROTH là môi trường sử dụng để tăng sinh chọn lọc	1	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu

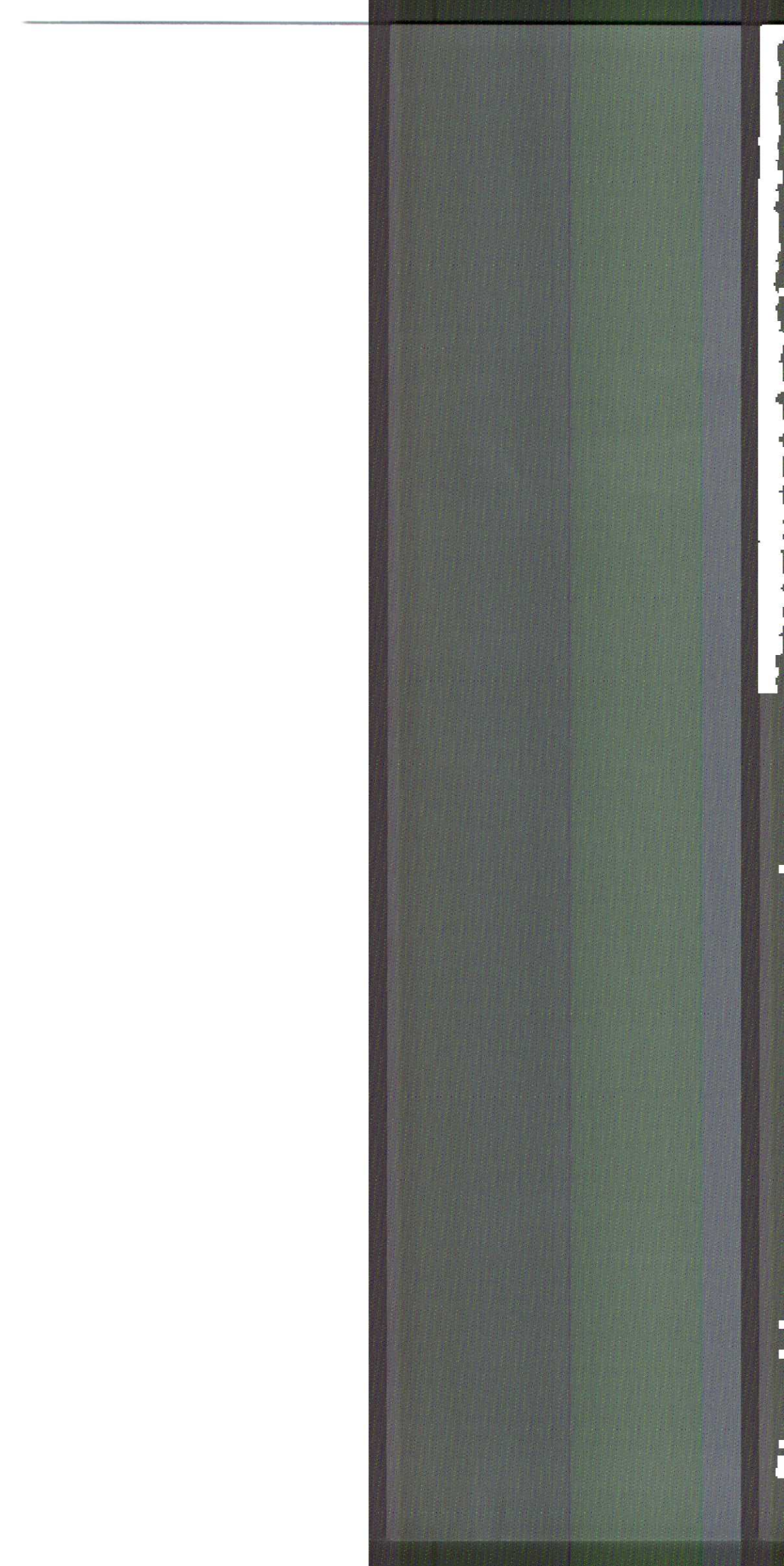
		Listeria spp từ các mẫu thực phẩm và các chất liệu động vật. Thành phần (g/L): Tryptone 5.0, Peptone 5.0, Litium Chloride 3.0, Beef Extract 5.0, Yeast Extract 5.0, Sodium Chloride 20.0, Disodium Phosphate anhydrous 9.5, Monopotassium Phosphate 1.35, Esculin 1.0, Nalidixic Acid 0.02, Acriflavine 0.025, pH 7.4 ± 0.2.				
57	Listeria Fraser supplement (Ferric ammonium citrate)	Listeria Fraser supplement được sử dụng để bổ sung vào môi trường Fraser Broth và Half Fraser Broth. Hàm lượng/lit môi trường: Ferric Ammonium Citrate: 0.5g.	1	Hộp	Hộp 10 lọ x 5ml	Châu Âu
58	Peptone from meat	Peptone từ thịt sử dụng trong nuôi cấy vi sinh vật	4	Lọ	Lọ 1000g	Châu Âu
59	Plate Count Agar (PCA)	Plate Count Agar là môi trường được sử dụng để xác định tổng hàm lượng vi sinh vật trong thực phẩm và động vật thức ăn, nước và các vật liệu khác. Thành phần (g/L): Enzymatic Digest of Casein 5.0, Yeast Extract 2.5, Glucose 1.0, Agar 15.0	3	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
60	PRE-SUPPLEMENTED Dg18 (ISO) AgAR	Môi trường nuôi cấy dùng để đếm và phân lập nấm mốc từ thực phẩm khô và bán khô như gia vị, trái cây khô, bánh kẹo, ngũ cốc, quả hạch, thịt khô và các sản phẩm cá. Tuân theo tiêu chuẩn BS ISO 21527-2: 2008. Thành phần (g/L): Casein Enzymatic Digest 5.0, D-Glucose 10.0, Monopotassium Phosphate 1.0, Magnesium Sulfate 0.5, Dichloran 0.002, Agar 15.0, Chloramphenicol 0.1	3	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
61	PRE-SUPPLEMENTED DRBC (ISO) AgAR	Môi trường nuôi cấy khử nước được pha chế theo tiêu chuẩn BS ISO 21527-1 dùng để chọn Lọc nấm men và nấm mốc từ các mẫu thực phẩm. Thành phần (g/L): Peptone: 5.0; Glucose: 10.0; Potassium dihydrogen phosphate: 1.0; Magnesium sulphate: 0.5; Dichloran: 0.002; Rose-bengal: 0.025; Agar: 15.0; Chloramphenicol: 0.1.	3	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
62	Pseudomonas CFC/CN agar (base)	Pseudomonas Agar Base được sử dụng để phân lập chọn lọc và phân lập Pseudomonas sp. Thành phần (g/L): Gelatin Peptone 16.0, Casein Hydrolysate 10.0, Potassium Sulfate, Anhydrous 10.0, Magnesium Chloride, Anhydrous 1.4, Agar 15.0	2	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
63	Pseudomonas CN Selective	Chất bổ sung CN được khuyến nghị thêm vào thạch Pseudomonas agar để phân lập Pseudomonas aeruginosa	3	Hộp	10 lọ/ hộp	Châu Âu

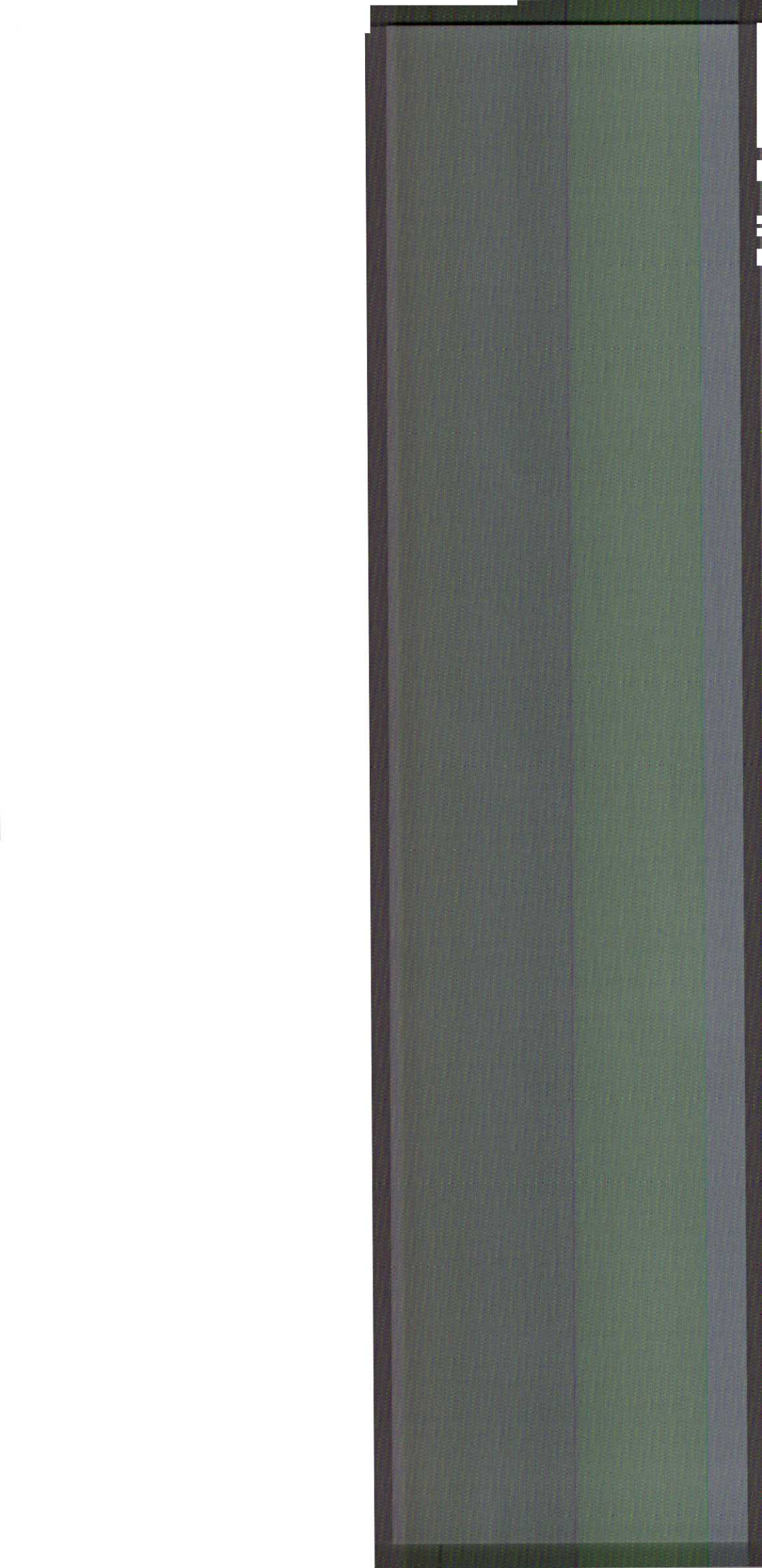
		Thành phần bao gồm hỗn hợp đông khô của Cetrimide và Axit Nalidixic. 01 lọ dùng cho 500mL môi trường				
64	King B agar	King B agar là môi trường được sử dụng để định danh <i>Pseudomonas aeruginosa</i> trong nước đóng chai. pH (33.4g/L +10g/l glycerol, sau hấp tiệt trùng): 7.1 ± 0.2 ở 25°C . Thành phần (g/L): Peptone 20.0, Glycerol 10 ml, Di-Potassium Hydrogen Phosphate 1.5, Magnesium Sulfate Heptahydrate 1.5, Agar 15.0	1	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
65	ACETAMIDE BROTH	ACETAMIDE BROTH là môi trường dạng bột được sử dụng để định danh <i>Pseudomonas aeruginosa</i> trong nước đóng chai. Thành phần (g/L): Acetamide 10.0, Sodium chloride 5.00, Dipotassium phosphate 1.39, Monopotassium phosphate 0.73, Magnesium sulphate 0.5, Phenol red 0.012, pH 7.0 ± 0.2	1	Lọ	Lọ 100g	Châu Âu
66	Phenol red	Chỉ thị màu sử dụng trong môi trường nuôi cấy vi sinh vật Khoảng thay đổi màu thứ nhất: pH 1.2 - pH 3.0 nâu cam - vàng; Khoảng thay đổi màu thứ 2: pH 6.5 - pH 8.0 vàng nâu - đỏ violet;	1	Lọ	Lọ 25 g	Châu Âu
67	RAPPAPORT VASSILIADIS Broth	Rappaport Vassiliadis Broth là môi trường tăng sinh để phân lập <i>Salmonella</i> spp từ thịt và thực phẩm sữa, phân và nước thải, căn cứ theo ISO 6579 và ISO 6785. Thành phần (g/L): Soytone 4.5, Sodium Chloride 7.2, Potassium Dihydrogen Phosphate 1.26, Di-Potassium Hydrogen Phosphate 0.18, Magnesium Chloride Anhydrous 13.58, Malachite Green 0.036, pH = 5.2 ± 0.2 ở 25°C .	1	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
68	SABOURAUD 2% dextrose agar	Sabouraud Dextrose Agar là môi trường thạch lồi dùng cho cho phát hiện và định lượng nấm men, nấm mốc bề mặt. Thành phần (g/L): Mycological peptone 10.0g, Glucose (dextrose) 40.0g, Agar 15.0g, pH 5.6 ± 0.2 @ 25°C	1	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
69	Shigella broth base	Shigella Broth Base được sử dụng để phân lập và nuôi cấy các loài <i>Shigella</i> từ thực phẩm. Thành phần (g/L): Casein Peptone 20.0, Dextrose 1.0, Potassium hydrogen phosphate 2.0, Potassium dihydrogen phosphate 2.0, Sodium chloride 5.0, Polysorbate 80 1.5	1	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
70	SHIGELLA SELECTIVE	Chất bổ sung vào môi trường nuôi cấy nhằm phân lập và nuôi cấy	1	Hộp	10 lọ/ hộp	Châu Âu

	SUPPLEMENT	chọn lọc các loài Shigella (Shigella broth base) Thành phần (g/L): Novobiocin 0.550mg 01 lọ dùng cho 500mL môi trường				
71	SLANETZ and BARTLEY agar	Slanetz and Bartley Agar là môi trường thạch được sử dụng để xác định và đếm số lượng các loài của chi vi khuẩn Enterococcus bằng kỹ thuật lọc màng. Thành phần (g/L): Tryptose: 20 g/l; Chiết xuất nấm men: 5g/l; D(+)-glucose: 2 g/l; K ₂ HPO ₄ : 4 g/l; NaN ₃ : 0.4 g/l; 2,3,5 Triphenyl Tetrazoliumchloride: 0.1 g/l; Thạch agar: 10 g/l	2	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
72	Sodium chloride	NaCl dùng trong nuôi cấy vi sinh vật	4	Lọ	Lọ 1000g	Châu Âu
73	STAPH latex kit	STAPH LATEX KIT là một thử nghiệm ngưng kết latex nhanh để xác định trực tiếp Staphylococcus aureus. Đóng gói: 50 test 1 hộp	3	Hộp	50 test/ hộp	Châu Âu
74	T.C.B.S. Agar	T.C.B.S. Agar là một môi trường được sử dụng để phân lập chọn Lọc và nuôi cấy vi sinh. Môi trường này phù hợp với ISO 21872 để xác định Vibrio spp, bao gồm Vibrio cholerae từ thực phẩm, thức ăn chăn nuôi và các mẫu môi trường trong lĩnh vực sản xuất thực phẩm và xử lý thực phẩm. Thành phần (g/L): Yeast extract 5.0, Peptone 10.0, Sodium citrate 10.0, Sodium Thiosulfate 10.0, Oxgall 8.0, Sucrose 20.0, Sodium Chloride 10.0, Ferric Citrate 1.0, Thymol Blue 0.04, Bromthymol Blue 0.04, Agar 15.0, pH = 8.6 ± 0.2 ở 25°C.	2	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
75	TSC (Tryptose Sulfite Cycloserine) agar (base)	Môi trường chọn lọc và đếm số Clostridium perfringens ở các mẫu nước và thực phẩm. Môi trường này thích hợp cho việc đếm các vi khuẩn yếm khí tiêu thụ sulfite từ thực phẩm có nguồn gốc động vật. Thành phần (g/L) trong 1 lít dung dịch sau pha: Tryptose: 15g, Peptone từ đậu tương: 5g, cao nấm men: 5g, Na ₂ S ₂ O ₅ : 1g, Amoni sắt (III) xitrat: 1g, Thạch: 12g	2	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
76	Clostridium perfringens selective supplement	Chất bổ sung cho môi trường TSC chọn lọc Clostridium perfringens Thành phần (g/L) mỗi ống: 200mg D-Cycloserine; 50 mg 4-methylumbelliferyl-phosphate disodium salt 01 lọ dùng cho 500mL môi trường	2	Hộp	10 lọ/ hộp	Châu Âu
77	Tryptic Soy Agar (TSA)	Tryptic Soy Agar (TSA) là một môi trường phân lập không chọn Lọc được sử dụng cho sự tăng trưởng của vi khuẩn mà không có các yêu	3	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu

		cầu dinh dưỡng cụ thể và cho việc chuẩn bị các chủng tham khảo nhằm mục đích kiểm tra tăng trưởng của môi trường nuôi cấy. Thành phần (g/L): Casein Peptone 15.0, Soy Peptone 5.0, Sodium Chloride 5.0, Agar 15.0, pH 7.3 ± 0.2 ở 25°C.				
78	Violet red bile (lactose) agar (VRBL)	Violet Red Bile Lactose Agar (VRBL) (ISO) là môi trường để định lượng vi khuẩn coliform trong thực phẩm và các sản phẩm từ sữa theo ISO 4832:2006 Thành phần (g/L): Enzymatic Digest of Animal Tissues 7.0, Yeast Extract 3.0, Lactose 10.0, Sodium Chloride 5.0, Bile Salts 1.5, Neutral Red 0.03, Crystal Violet 0.002, Agar 14.0	2	g	Lọ 500g	Châu Âu
79	Violet Red Bile glucose Agar (VRBG)	Violet Red Bile Glucose Agar sử dụng để phát hiện và đếm Enterobacteriaceae trong thực phẩm tươi sống và các sản phẩm từ sữa. Thành phần (g/L): Agar: 13.0 g/L, muối mật 1.5 g/L, tím tinh thể 0.002 g/L, dextrose: 10.0 g/L, đỏ trung tính 0.03 g/L, peptone (từ gelatin): 7.0 g/L, NaCl 5.0 g/L, Chiết xuất nấm men 3.0 g/L; pH cuối: 7.2±0.2 (25 °C)	3	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
80	XLD Agar	XLD Agar là môi trường chọn Lọc được sử dụng để phân lập và phân biệt mầm bệnh Enterobacteriaceae, đặc biệt là Salmonella và Shigella từ thực phẩm, mẫu môi trường và bệnh phẩm. Thành phần (g/L): Yeast Extract 3.0, L-Lysine 5.0, Xylose 3.75, Lactose 7.5, Sucrose 7.5, Sodium Chloride 5.0, Sodium Thiosulphate 6.8, Ferric Ammonium Citrate 0.8, Phenol Red 0.08, Sodium Desoxycholate 1.0, Agar 15.0, pH = 7.4 ± 0.2 ở 25°C.	3	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu
81	Yeast extract granulated for microbiology	Chiết xuất nấm men dùng trong nuôi cấy vi sinh.	2	Lọ	Lọ 500g	Châu Âu











10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33 34 35 36 37 38 39 40 41 42 43 44 45 46 47 48 49 50 51 52 53 54 55 56 57 58 59 60 61 62 63 64 65 66 67 68 69 70 71 72 73 74 75 76 77 78 79 80 81 82 83 84 85 86 87 88 89 90 91 92 93 94 95 96 97 98 99 100

